

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn huyện Phong thổ năm 2024

Thực hiện Kế hoạch số 339/KH-UBND ngày 24/01/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về việc triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu năm 2024.

Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn huyện năm 2024, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Cụ thể hoá nội dung, lộ trình, kế hoạch của UBND tỉnh giai đoạn 2022 - 2025 và năm 2024, Kế hoạch giai đoạn 2022- 2025 của UBND huyện để tiếp tục triển khai thực hiện phù hợp với tình hình, đặc điểm địa bàn huyện Phong Thổ.

2. Xác định rõ các nội dung nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung các nguồn lực thực hiện hiệu quả, phân công trách nhiệm rõ ràng, bảo đảm yêu cầu tiến độ đề ra trong năm 2024.

3. Bảo đảm tất cả các nhiệm vụ của Đề án 06 trong năm 2024 phải được thực hiện theo đúng yêu cầu, tiến độ, góp phần phục vụ thành công chuyển đổi số quốc gia.

II. NHIỆM VỤ

1. Nhiệm vụ tổng quát

1.1. Về nhận thức: Các phòng, ban, ngành huyện, UBND xã, thị trấn và cán bộ, đảng viên phải gương mẫu, thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Đề án 06 theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Xác định chủ đề thực hiện năm 2024 là năm “*Hoàn thiện hạ tầng công nghệ, số hóa, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số*”.

1.2. Thực hiện rà soát các nội dung, nhiệm vụ theo lộ trình và Kế hoạch số 123/KH-UBND ngày 29/02/2022 của UBND huyện; các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh theo chức năng của từng phòng, ban, ngành huyện, UBND các xã, thị trấn; tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm các nhiệm vụ chưa hoàn thành của các năm trước và triển khai các nhiệm vụ mới của Đề án trong năm 2024 để tạo tiền đề cho các năm tiếp theo.

2. Nhiệm vụ cụ thể

2.1. Nhóm nhiệm vụ còn chậm theo lộ trình Đề án (02 nhiệm vụ)

(1) Đẩy nhanh tiến độ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 và Nghị định 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ, gắn việc số hóa với việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính; không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo đúng quy định.

(2) Thực hiện chỉ đạo, điều hành và đánh giá, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp dựa trên dữ liệu, thời gian theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm công khai, minh bạch, cá thể hóa trách nhiệm, đề cao vai trò người đứng đầu, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính.

2.2. Nhóm nhiệm vụ trọng tâm theo lộ trình Đề án năm 2024

a) Nhiệm vụ chung: 10 nhiệm vụ

(1) Hoàn thành rà soát, tái cấu trúc 53 dịch vụ công thiết yếu tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; xây dựng, ban hành theo thẩm quyền quy trình điện tử liên thông đối với các nhóm TTHC liên thông theo Chỉ thị 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

(2) 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình và được định danh, xác thực điện tử hoặc xác thực, chia sẻ dữ liệu dân cư.

(3) 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình được định danh và xác thực điện tử thông suốt.

(4) 100% người dân khi thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa các cấp được định danh, xác thực điện tử trên hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an đã kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

(5) 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính của cá nhân được lưu trữ điện tử.

(6) 50% mẫu đơn, tờ khai có thông tin công dân được chuẩn hóa thống nhất theo yêu cầu từ dữ liệu gốc của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

(7) Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính đối với 53 dịch vụ công thiết yếu và các lĩnh vực: cư trú, hộ tịch, xuất nhập cảnh, cấp căn cước công dân.

(8) 100% thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến dân cư được cắt giảm, đơn giản hóa.

(9) 80% hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

(10) 100% hồ sơ về dân cư được tạo, lưu trữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định.

b) Nhiệm vụ cụ thể: 13 nhiệm vụ

(1) Đẩy mạnh chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt.

(2) Triển khai thực hiện tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu doanh nghiệp giữa cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện.

(3) Triển khai thực hiện kết nối cơ sở dữ liệu về Lao động việc làm với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

(4) Triển khai thực hiện kết nối cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

(5) Triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ xác thực thông tin đối với các đương sự, bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng... trên Cổng dịch vụ của Tòa án nhân dân.

(6) Triển khai thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại tố cáo và phòng, chống tham nhũng, Cơ sở dữ liệu quốc gia về quản lý tài sản, thu nhập.

(7) Triển khai thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Khoa học và công nghệ.

(8) Triển khai thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia dân cư với cơ sở dữ liệu công bố bản án, quyết định của Tòa án.

(9) Triển khai thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu về hồ sơ vụ án của Tòa án.

10) Triển khai thực hiện việc kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với hệ thống quản lý án điện tử của Tòa án nhân dân để xác minh danh điện tử đối với thông tin liên quan đến đương sự, bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng hoặc xác minh thông tin chứng cứ của vụ án phục vụ cho hoạt động của Tòa án điện tử.

(11) Triển khai thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cơ sở dữ liệu thông tin Quyết định thi hành các biện pháp ngăn chặn đối với công dân đang trong quá trình điều tra; Cơ sở dữ liệu thống kê tư pháp, thống kê tội phạm; các Cơ sở dữ liệu khác liên quan đến công chức, viên chức.

(12) Triển khai thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các Cơ sở dữ liệu chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

(13) Triển khai thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các Cơ sở dữ liệu của ngành Tư pháp như Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc tịch, Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, Cơ sở dữ liệu trợ giúp pháp lý, Cơ sở dữ liệu thi hành án dân sự nói chung.

c) Các nhiệm vụ thuộc Đề án trung tâm dữ liệu quốc gia (Nghị quyết 175/NQ-CP ngày 30/10/2023): 05 nhiệm vụ

(1) Xây dựng phương án đồng bộ dữ liệu con người theo phạm vi quản lý.

(2) Rà soát, bổ sung các điều kiện bảo đảm an ninh, an toàn thông tin theo tiêu chuẩn của Trung tâm dữ liệu quốc gia

(3) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ tiến hành rà soát văn bản quy phạm pháp luật để đề xuất cấp có thẩm quyền thực hiện sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản pháp luật phục vụ kết nối, khai thác dữ liệu giữa Công an và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

(4) Rà soát, khảo sát, nghiên cứu, đề xuất và phê duyệt các dự án để triển khai theo các nhiệm vụ phân công của Đề án.

(5) Tuyên truyền, phổ biến tới người dân tầm quan trọng của xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia qua Tổ công tác triển khai Đề án 06 các cấp và các phương tiện thông tin đại chúng

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

3. Giải pháp trọng tâm thực hiện

3.1. Thủ trưởng các phòng, ban, ngành, địa phương tăng cường công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện, tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc giải quyết 02 nhiệm vụ chậm tiến độ theo lộ trình Đề án 06.

3.2. Các phòng, ban ngành tập trung triển khai các nhiệm vụ theo lộ trình của Đề án 06 năm 2024, trong đó đề ra lộ trình chi tiết để hoàn thành các chỉ tiêu cơ bản về giải quyết thủ tục hành chính.

3.3. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả 53 dịch vụ công thiết yếu, đảm bảo theo lộ trình; đẩy mạnh hơn công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về Đề án 06, chuyển đổi số. Chuyển đổi quy trình làm việc từ môi trường trực tiếp sang môi trường điện tử; phấn đấu 100% cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang gương mẫu, đi đầu trong công tác tuyên truyền, thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

3.4. Tiếp tục rà soát, tham mưu đề xuất hoàn thiện thể chế, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho việc triển khai thực hiện Đề án 06. Bảo đảm chất lượng mạng truyền số liệu chuyên dùng; triển khai hạng mục nâng cấp, mở rộng dự án đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin đáp ứng yêu cầu kết nối cơ sở dữ liệu dân cư.

3.5. Tổ chức sơ kết việc triển khai thí điểm thực hiện các mô hình trong thực hiện Đề án 06 để từ đó triển khai thực hiện rộng khắp. Tập trung khảo sát thực hiện đối với các mô hình chưa triển khai được, ưu tiên những mô hình không phải đầu tư kinh phí và có thể triển khai ngay.

3.6. Triển khai các nhiệm vụ theo lộ trình tại Nghị quyết số 175/NQ-CP, ngày 30/10/2023 của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia, đồng thời, sớm xây dựng phương án bảo đảm an ninh, an toàn các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

3.7. Phòng Tài chính và Kế hoạch huyện trên cơ sở dự toán của các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ giao có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu, cân đối, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện xem xét bố trí nguồn kinh phí (bao gồm vốn đầu tư, vốn sự nghiệp) thực hiện Đề án 06 năm 2024 và các năm tiếp theo đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ giao theo quy định hiện hành.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Đề án 06 do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Đề án 06, các phòng, ban, ngành huyện, các cơ quan, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn có trách nhiệm tham mưu thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, các tổ chức đoàn thể huyện chỉ đạo các tổ chức thành viên tuyên truyền, phổ biến về mục đích, ý nghĩa, mục tiêu, nội dung của Đề án 06 và Kế hoạch của UBND huyện đến hội viên và nhân dân; phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

2. Công an huyện (Cơ quan Thường trực Đề án 06) chủ trì, phối hợp với Văn phòng HĐND và UBND huyện có trách nhiệm giúp UBND huyện theo dõi, đôn đốc; phối hợp với các phòng, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện các nhiệm vụ Đề án 06 và các nhiệm vụ tại Kế hoạch này, tổng hợp báo cáo UBND huyện theo quy định; theo dõi, tổng hợp, tham mưu thực hiện sơ kết, tổng kết và đề xuất các hình thức khen thưởng cho các đơn vị, địa phương trong triển khai, thực hiện Đề án 06.

3. Thủ trưởng các phòng, ban, ngành huyện và UBND các xã, thị trấn; các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, bám sát nhiệm vụ, lộ trình, tiến độ thực hiện của đơn vị, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND huyện về kết quả, tiến độ thực hiện Đề án 06 của cơ quan, đơn vị, địa phương mình. Định kỳ, trước ngày 15 hàng tháng báo cáo kết quả thực hiện về Công an huyện (Cơ quan Thường trực Đề án 06) để tổng hợp, tham mưu UBND huyện báo cáo UBND tỉnh, Công an tỉnh./.

Nơi nhận:

- Công an tỉnh (Phòng PC06);
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện và các đoàn thể huyện;
- Văn phòng Huyện ủy;
- Các phòng, ban, ngành huyện;
- Các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- V, C;
- Lưu: VT, C1, CAH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Bảo Trung